

Số: 65/2017/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 12 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, NGUYÊN TẮC, HỒ SƠ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2962/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều kiện, nguyên tắc, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2017./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Cao Văn Trọng**

QUY ĐỊNH

ĐIỀU KIỆN, NGUYÊN TẮC, HỒ SƠ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về điều kiện, nguyên tắc, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là doanh nghiệp khởi nghiệp).

Điều 2. Điều kiện chung được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp

Thực hiện theo Điều 3 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND, điều kiện chung để được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp được hướng dẫn như sau:

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới có dự án khởi nghiệp được Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp đánh giá đạt yêu cầu.

2. Doanh nghiệp mới thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2017 với điều kiện hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục tối thiểu 06 tháng tính đến ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Điều 3. Quy định về Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp

1. Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp do Hội đồng Tư vấn khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp ra quyết định thành lập.

2. Thành viên Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp gồm đại diện lãnh đạo sở, ban ngành tỉnh, chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan đến dự án thẩm định.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp

a) Tiếp nhận và thẩm định các dự án khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Đề xuất các dự án khởi nghiệp được đánh giá đạt yêu cầu đến Hội đồng Tư vấn khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp xem xét hỗ trợ vốn từ Quỹ đầu tư khởi nghiệp của tỉnh cho các dự án;

c) Đề xuất đến các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng có liên quan xem xét hỗ trợ, tiếp cận các nguồn vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ ưu đãi dành cho các dự án khởi nghiệp được đánh giá đạt yêu cầu.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.
2. Lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ.
3. Trong trường hợp cùng thời gian, một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 5. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp
 - a) Nguồn vốn từ Quỹ đầu tư khởi nghiệp, Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ của tỉnh và các ngân hàng thương mại;
 - b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương;
 - c) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
2. Nguồn vốn hỗ trợ quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

Điều 6. Hỗ trợ chi phí thành lập doanh nghiệp

1. Mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND.
2. Trình tự, thủ tục thực hiện
 - a) Các cá nhân, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre). Thành phần hồ sơ gồm:
 - Giấy đề nghị hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp (Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này);
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Bản sao Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp;

- Bản mô tả dự án khởi nghiệp được Tổ thẩm định của Hội đồng tư vấn khởi nghiệp đánh giá đạt yêu cầu đối với trường hợp doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới (Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp tổng hợp danh sách đề nghị và tiến hành thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 03 tháng)

1. Mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hưởng chính sách khởi nghiệp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Hợp đồng lao động;

- Bản sao Chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo nghề do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách đề nghị và tiến hành thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 8. Hỗ trợ nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ

1. Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND.

b) Thành phần hồ sơ và thủ tục thanh quyết toán: thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 8 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế quản lý và định mức hỗ trợ các nội dung thuộc dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013-2020”.

c) Trình tự thực hiện: cá nhân, tổ chức đáp ứng quy định tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre.

2. Hỗ trợ cho vay vốn từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

a) Mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND.

b) Thành phần hồ sơ và thủ tục: thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế tài trợ, cho vay vốn của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre được ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQLQ ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế cho vay và tài trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre.

c) Trình tự thực hiện: cá nhân, tổ chức đáp ứng quy định tại Quyết định số 02/QĐ-HĐQLQ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre.

Điều 9. Lập dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ

Việc lập dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì tiếp nhận, tổng hợp, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về khởi sự doanh nghiệp, gửi Sở Tài chính thẩm định.

b) Định kỳ (06) sáu tháng một lần, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quy định này và phản ánh những vấn đề phát sinh để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ, gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề trong nước, đồng thời phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, gửi Sở Tài chính thẩm định.

4. Sở Tài chính

Xem xét, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các ngành có liên quan để thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ động phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này đến các cá nhân, tổ chức có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn.

b) Định kỳ (06) sáu tháng, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quy định này về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phổ biến rộng rãi nội dung Quy định này đến tất cả các cá nhân, tổ chức có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
2. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm quán triệt, phổ biến Quy định này cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị để phối hợp, triển khai thực hiện tốt Quy định.
3. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo./.

PHỤ LỤC I

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP
KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, tổ chức đề nghị:

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị:

Loại hình doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp):.....

Quy mô doanh nghiệp (siêu nhỏ, nhỏ vừa):.....

Địa chỉ (Hộ khẩu thường trú nếu là cá nhân; địa chỉ trụ sở chính nếu là hộ kinh doanh, doanh nghiệp):

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số:..... docấp ngàytháng.....năm

II. Đề nghị được hưởng chính sách:

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Căn cứ Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về điều kiện, nguyên tắc, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chi phí thành lập doanh nghiệp:
2. Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 03 tháng):.....
3. Hỗ trợ nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ:.....

III. Cá nhân, tổ chức đề nghị cam kết

- Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ...tháng.....năm.....

Cá nhân/đơn vị

(ký tên; đóng dấu-nếu là doanh nghiệp)

Hồ sơ kèm theo:

-

-

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

BẢN MÔ TẢ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP

...

Địa điểm:

Chủ dự án:

Bến Tre, tháng năm 20...

I. MÔ TẢ DOANH NGHIỆP VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1. Chủ dự án:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Đại diện:

- Chức danh:

- Ngành nghề:

2. Đặc điểm dự án:

- Tên dự án:

- Địa điểm:

- Diện tích đất sử dụng:

- Hình thức đầu tư:
- 3. Sự cần thiết phải đầu tư:
- 4. Mục tiêu của dự án:

II. PHÂN TÍCH VỊ TRÍ

1. Địa điểm
2. Quy mô
 - Diện tích:
 - Tài sản trên đất (nếu có):
3. Cơ sở hạ tầng - Kỹ thuật:
 - Giao thông:
 - Nguồn cung cấp điện:
 - Hệ thống nguồn cung cấp nước:...

III. PHÂN TÍCH PHÁP LÝ

- Văn bản pháp lý có liên quan
- Chính sách ưu đãi
- Chính sách hạn chế => Giải pháp

IV. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

1. Đánh giá thị trường
 - Phân tích nhu cầu:
 - + Hiện hữu,
 - + Tiềm năng
 - Phân tích đối thủ cạnh tranh:
 - + Hiện hữu: Sản phẩm, giá bán, chiến lược phân phối, marketing, khuyến mãi, chất lượng
 - + Tiềm ẩn:
 - Những lợi thế của dự án so với đối thủ cạnh tranh.
2. Đưa ra dự báo triển vọng thị trường
 - Xác định khách hàng mục tiêu:
 - Thiết kế sản phẩm:
 - + Chất lượng:
 - + Giá thành, giá bán:
 - + Các thuộc tính công nghệ:
3. Phân tích sự phù hợp của sản phẩm với nhu cầu khách hàng

V. KẾ HOẠCH MARKETING VÀ PHÂN PHỐI

1. Chiến lược Marketing
2. Phương pháp xúc tiến và chi phí
3. Chiến lược phân phối

VI. KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

1. Quy trình công nghệ (nếu có):
2. Quy trình cung ứng:
3. Chi phí đầu tư ban đầu:

VII. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn gây ô nhiễm
2. Biện pháp xử lý
3. Chi phí xử lý

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

1. Sơ đồ tổ chức quản lý
 - Yêu cầu về tiêu chuẩn và số lượng
 - Chế độ lương, thưởng
 - Cơ chế làm việc: quy chế, quy trình, quy định
2. Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

IX. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

X. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Những rủi ro và khả năng kiểm soát rủi ro
2. Đối thủ cạnh tranh gặp phải và chiến lược cạnh tranh là gì (marketing, giá bán, chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì).

XI. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Chuẩn bị tổ chức và pháp lý
 - Xây dựng đội ngũ nòng cốt khởi nghiệp
 - Tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết
2. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất
 - Kế hoạch thuê/ mua mặt bằng
 - Kế hoạch xây dựng nhà xưởng, văn phòng
 - Kế hoạch mua sắm thiết bị
3. Chuẩn bị sản phẩm mẫu
4. Chuẩn bị marketing, truyền thông

5. Kế hoạch đưa vào vận hành